

Họ và tên:

Số báo danh:

Mã đề 0601

PHẦN I. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 18. Mỗi câu hỏi thí sinh chỉ chọn một phương án.

Câu 1. Nhận định nào sau đây **không** đúng với tình hình phát triển của ngành du lịch ở nước ta hiện nay?

- A. Chủ yếu là khách du lịch quốc tế. B. Sản phẩm du lịch ngày càng đa dạng.
C. Là ngành kinh tế mũi nhọn nước ta. D. Phân bố rộng khắp các vùng miền.

Câu 2. Ngành giao thông vận tải non trẻ nhưng tốc độ phát triển nhanh ở nước ta là

- A. đường hàng không. B. đường thủy nội địa.
C. đường biển. D. đường ô tô.

Câu 3. Loại khoáng sản có giá trị kinh tế cao nhất hiện nay ở Đồng bằng sông Hồng là

- A. đá vôi. B. cao lanh. C. dầu mỏ. D. than đá.

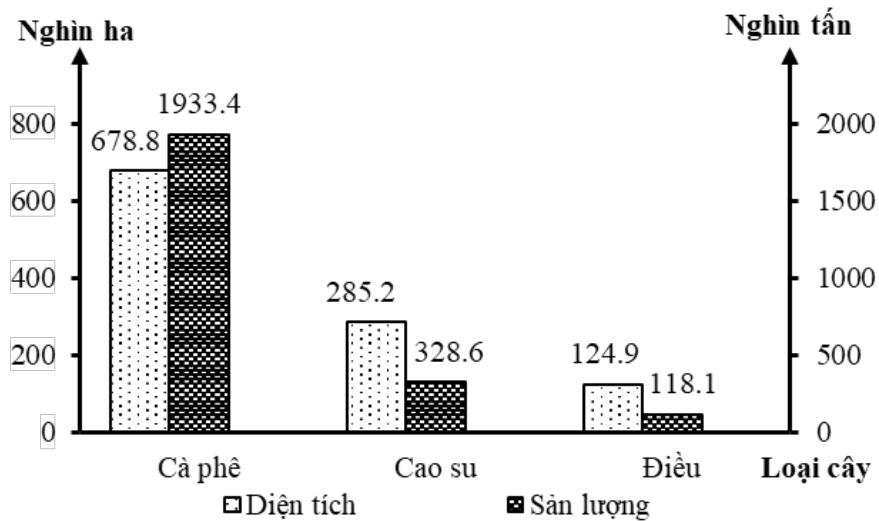
Câu 4. Nam Trung Bộ dẫn đầu cả nước về diện tích gieo trồng cây công nghiệp nào sau đây?

- A. Điều. B. Cao su. C. Chè. D. Cà phê.

Câu 5. Bắc Trung Bộ có điều kiện thuận lợi chủ yếu nào sau đây để phát triển cây công nghiệp hàng năm?

- A. Khí hậu phân hóa, đất trồng đa dạng, lao động trình độ cao.
B. Đất fe-ra-lit ở đồi núi, lao động dồi dào, khí hậu thích hợp.
C. Đất phù sa và đất pha cát, lao động dồi dào, thị trường lớn.
D. Công nghệ sản xuất hiện đại, đất fe-ra-lit rộng, giống mới.

Câu 6. Cho biểu đồ sau:



Diện tích và sản lượng một số cây công nghiệp lâu năm ở Nam Trung Bộ năm 2024

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam năm 2024, Nxb Thống kê)

Nhận xét nào sau đây đúng với biểu đồ trên?

- A. Năng suất cà phê lớn hơn năng suất cao su. B. Diện tích cà phê gấp gần 5 lần diện tích điều.
C. Sản lượng cao su lớn hơn cà phê và điều. D. Diện tích điều lớn hơn diện tích cao su.

Câu 7. Đất phù sa màu mỡ là điều kiện thuận lợi để vùng Đồng bằng sông Hồng phát triển

- A. sản xuất lương thực. B. khai thác khoáng sản.
C. chăn nuôi bò sữa. D. nuôi trồng thủy sản.

Câu 8. Phát triển cây công nghiệp lâu năm ở Trung du và miền núi phía Bắc nhằm mục đích chủ yếu là

- A. thay đổi cơ cấu kinh tế, phát huy lợi thế, tạo cảnh quan mới.
B. nâng cao mức sống, tăng trưởng kinh tế, phát huy thế mạnh.

C. đổi mới phân bố sản xuất, khai thác tiềm năng, tạo việc làm.

D. sử dụng hợp lý tài nguyên, tăng thu nhập, bảo vệ môi trường.

Câu 9. Trung du và miền núi phía Bắc có nguồn thủy năng lớn chủ yếu là do

A. mật độ sông dày đặc, mưa nhiều.

B. diện tích rộng, mưa lớn theo mùa.

C. nhiều sông ngòi, lượng mưa lớn.

D. địa hình dốc, lưu lượng nước lớn.

Câu 10. Điều kiện thuận lợi cho việc xây dựng cảng nước sâu ở Nam Trung Bộ là có

A. nhiều đảo xa bờ.

B. nhiều bãi biển đẹp.

C. nhiều ngư trường.

D. nhiều vũng vịnh.

Câu 11. Trung du và miền núi phía Bắc hiện nay gồm bao nhiêu tỉnh?

A. 12.

B. 3.

C. 9.

D. 6.

Câu 12. Ngành thủy sản của Bắc Trung Bộ hiện nay có đặc điểm

A. đối tượng nuôi trồng thủy sản đa dạng.

B. chủ yếu khai thác thủy sản ở nội địa.

C. tăng cường khai thác thủy sản ven bờ.

D. lao động trong ngành có trình độ cao.

Câu 13. Dịch vụ nào sau đây thuộc ngành viễn thông ở nước ta hiện nay?

A. Phát hành báo.

B. Kết nối internet.

C. Vận chuyển hàng.

D. Chuyển, nhận thư.

Câu 14. Ý nghĩa chủ yếu của các công trình thủy điện đối với kinh tế ở Nam Trung Bộ là

A. cung cấp nước tưới vào mùa khô, phát triển nuôi trồng thủy sản.

B. tạo nguồn điện dồi dào và góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế.

C. điều tiết nước cho sông, cung cấp nước cho các ngành sản xuất.

D. thúc đẩy hoạt động du lịch sinh thái, cung cấp nước cho sinh hoạt.

Câu 15. Hoạt động nội thương ở Đồng bằng sông Hồng hiện nay có đặc điểm nào sau đây?

A. Thị trường xuất, nhập khẩu mở rộng.

B. Chủ yếu diễn ra ở các siêu thị lớn.

C. Phát triển đồng đều ở tất cả các tỉnh.

D. Tổng mức bán lẻ hàng hóa tăng lên.

Câu 16. Mặt hàng nhập khẩu chủ yếu của nước ta hiện nay là

A. khoáng sản.

B. tư liệu sản xuất.

C. lương thực.

D. nhiên liệu.

Câu 17. Định hướng chủ yếu phát triển công nghiệp ở Đồng bằng sông Hồng là

A. tăng lao động phổ thông, mở rộng khu công nghệ cao.

B. giảm các ngành phụ trợ, phát triển một số ngành mới.

C. đảm bảo nguồn nguyên liệu, tăng các ngành khai thác.

D. sử dụng công nghệ mới, tham gia chuỗi giá trị toàn cầu.

Câu 18. Bắc Trung Bộ **không** tiếp giáp với vùng kinh tế - xã hội nào sau đây?

A. Nam Trung Bộ.

B. Đồng bằng sông Hồng.

C. Trung du và miền núi phía Bắc.

D. Đông Nam Bộ.

PHẦN II. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 4. Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai.

Câu 1. Cho thông tin sau:

Công nghiệp là ngành kinh tế quan trọng ở Đồng bằng sông Hồng, giá trị sản xuất công nghiệp liên tục tăng lên. Cơ cấu ngành công nghiệp của vùng rất đa dạng, trong đó nổi bật là công nghiệp sản xuất, chế biến thực phẩm; sản xuất đồ uống; dệt và sản xuất trang phục; sản xuất sản phẩm điện tử, máy vi tính; sản xuất ô tô và xe có động cơ khác; khai thác than,... Hiện nay, Đồng bằng sông Hồng đang đẩy mạnh phát triển công nghiệp xanh.

a) Cơ cấu ngành công nghiệp của Đồng bằng sông Hồng đa dạng chủ yếu do có tài nguyên khoáng sản rất phong phú, nguồn lao động dồi dào và cơ sở hạ tầng hiện đại.

b) Sản xuất sản phẩm điện tử, máy vi tính là ngành công nghiệp truyền thống ở Đồng bằng sông Hồng.

c) Giá trị sản xuất công nghiệp của Đồng bằng sông Hồng hiện nay chiếm tỉ trọng cao trong cả nước.

d) Đẩy mạnh phát triển công nghiệp xanh ở Đồng bằng sông Hồng là giải pháp quan trọng nhằm phát triển công nghiệp bền vững.

Câu 2. Cho thông tin sau:

Dịch vụ là ngành kinh tế có vai trò vô cùng quan trọng, chiếm tỉ trọng lớn nhất trong cơ cấu GDP và là động lực cho sự tăng trưởng kinh tế của nước ta. Sự phát triển và phân bố của ngành dịch vụ chịu sự chi phối tổng hợp của nhiều nhân tố kinh tế - xã hội và tự nhiên. Hiện nay, cùng với xu hướng toàn cầu hóa, các hoạt động dịch vụ ở nước ta đang có những bước chuyển mình mạnh mẽ, đóng vai trò tiên phong trong quá trình chuyển đổi số quốc gia.

a) Vai trò chủ yếu về mặt xã hội của ngành dịch vụ ở nước ta hiện nay là góp phần tạo ra nhiều việc làm, tăng thu nhập cho người dân.

b) Mục đích chủ yếu của việc ưu tiên phát triển các ngành dịch vụ có hàm lượng công nghệ cao ở nước ta là hiện đại hóa nền kinh tế, đẩy mạnh hội nhập quốc tế, phân bố lại dân cư và lao động.

c) Vị trí địa lí thuận lợi là nhân tố thúc đẩy nước ta mở rộng thị trường xuất nhập khẩu và giao lưu kinh tế.

d) Dân số nước ta đông là nhân tố chủ yếu tạo ra sức mua lớn, làm xuất hiện nhiều loại hình dịch vụ mới.

Câu 3. Cho thông tin sau:

Ngành chăn nuôi ở Bắc Trung Bộ đang phát triển theo hướng hàng hóa, thâm canh và ứng dụng công nghệ cao, đặc biệt trong chăn nuôi gia súc lớn. Năm 2024, số lượng đàn trâu của vùng chiếm hơn 24% tổng số lượng đàn trâu cả nước và số lượng đàn bò chiếm gần 16% tổng số lượng đàn bò cả nước, ngoài chăn nuôi bò lấy thịt, vùng đang đẩy mạnh chăn nuôi bò sữa.

a) Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ cao trong chăn nuôi ở Bắc Trung Bộ chủ yếu nhằm tăng năng suất, chất lượng sản phẩm, nâng cao hiệu quả kinh tế.

b) Việc hình thành vùng tập trung chăn nuôi gia súc lớn ở Bắc Trung Bộ nhằm khai thác tốt thế mạnh, tạo nông sản hàng hóa.

c) Đàn trâu của Bắc Trung Bộ đứng thứ hai trong cả nước sau vùng Đồng bằng sông Hồng.

d) Chăn nuôi gia súc lớn ở Bắc Trung Bộ tập trung chủ yếu ở khu vực đồng bằng ven biển.

Câu 4. Cho bảng số liệu sau:

**Trị giá xuất khẩu và nhập khẩu hàng hóa của nước ta
giai đoạn 2021 - 2024**

(Đơn vị: tỉ USD)

Năm	2021	2022	2023	2024
Xuất khẩu	336,2	371,7	354,7	405,9
Nhập khẩu	333,0	359,8	326,6	381,0

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam năm 2024, Nxb Thống kê)

a) Năm 2024 so với năm 2021, trị giá xuất khẩu hàng hóa nước ta tăng nhanh hơn so với trị giá nhập khẩu hàng hóa.

b) Biểu đồ thích hợp nhất để thể hiện quy mô trị giá xuất khẩu và nhập khẩu hàng hóa nước ta và cơ cấu của nó năm 2021 và năm 2024 là biểu đồ cột.

c) Trị giá xuất khẩu hàng hóa nước ta luôn lớn hơn trị giá nhập khẩu hàng hóa trong giai đoạn 2021 - 2024.

d) Trong giai đoạn 2021 - 2024, tổng trị giá xuất khẩu và nhập khẩu hàng hóa nước ta tăng liên tục.

PHẦN III. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 6.

Câu 1. Năm 2024, ở nước ta số thuê bao điện thoại là 121,5 triệu thuê bao, dân số là 101,3 triệu người. Hãy cho biết số thuê bao điện thoại bình quân đầu người ở nước ta năm 2024 là bao nhiêu thuê bao/người (làm tròn kết quả đến một chữ số thập phân).

Câu 2. Năm 2025, Trung du và miền núi phía Bắc có diện tích tự nhiên là 92,5 nghìn km², số dân là 12,6 triệu người. Hãy cho biết mật độ dân số của Trung du và miền núi phía Bắc năm 2025 là bao nhiêu người/km² (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị).

Câu 3. Năm 2024, Đồng bằng sông Hồng có dân số nam là 12303,6 nghìn người, dân số nữ là 12449,7 nghìn người. Hãy cho biết tỉ số giới tính của Đồng bằng sông Hồng năm 2024 là bao nhiêu nam/100 nữ (làm tròn kết quả đến một chữ số thập phân).

Câu 4. Cho bảng số liệu sau:
Số lượt hành khách vận chuyển và luân chuyển của ngành vận tải đường hàng không nước ta năm 2021 và năm 2024

Năm	2021	2024
Lượt hành khách vận chuyển (triệu lượt người)	15,1	52,1
Lượt hành khách luân chuyển (triệu lượt người.km)	13 932,6	88 218,3

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam năm 2024, Nxb Thống kê)

Căn cứ vào bảng số liệu trên, hãy cho biết cự li vận chuyển hành khách trung bình của ngành vận tải đường hàng không nước ta năm 2024 tăng thêm so với năm 2021 là bao nhiêu km (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị).

Câu 5. Cho bảng số liệu:
Sản lượng thủy sản Bắc Trung Bộ năm 2010 và năm 2024

(Đơn vị: nghìn tấn)

Năm	2010	2024
Thủy sản khai thác	240,9	556,8
Thủy sản nuôi trồng	97,1	212,9

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam năm 2024, Nxb Thống kê)

Căn cứ vào bảng số liệu trên, hãy cho biết tỉ trọng sản lượng thủy sản khai thác trong tổng sản lượng thủy sản ở Bắc Trung Bộ năm 2024 tăng bao nhiêu phần trăm so với năm 2010 (làm tròn kết quả đến một chữ số thập phân).

Câu 6. Năm 2024, diện tích đất tự nhiên của Nam Trung Bộ là 99,1 nghìn km², tổng diện tích rừng là 50,9 nghìn km². Hãy cho biết tỉ lệ che phủ rừng của Nam Trung Bộ năm 2024 là bao nhiêu phần trăm (làm tròn kết quả đến một chữ số thập phân).

----- HẾT -----

ĐÁP ÁN

1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18
A	A	D	D	C	A	A	B	D	D	C	A	B	B	D	B	D	D

1	1	1	1	2	2	2	2	3	3	3	3	4	4	4	4
a	b	c	d	a	b	c	d	a	b	c	d	a	b	c	d
S	S	Đ	Đ	Đ	S	Đ	S	Đ	Đ	S	S	Đ	S	Đ	S

1	2	3	4	5	6
1,2	136	98,8	771	1,1	51,4